

# **Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



# Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 35





# Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5800000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 4 tháng 1 năm 2000 và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 22 ngày 20 tháng 2 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 604/TB-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất đông dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; xuất nhập khẩu thuốc và dược liệu.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Xuân Hương	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 12 tháng 2 năm 2020
	Thành viên	miễn nhiệm ngày 12 tháng 2 năm 2020
Ông Nguyễn Minh Thắng	Phó chủ tịch	
Bà Vũ Thu Mươi	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 2 năm 2020
Ông Võ Bình	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2020
Bà Nguyễn Hoài Thùy Dung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2020
Bà Vũ Thu Mươi	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 12 tháng 2 năm 2020
Ông Phạm Văn Khoa	Thành viên	miễn nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2019
Ông Trịnh Văn Bảo	Thành viên	miễn nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2020

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Ái	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 11 tháng 2 năm 2020
	Thành viên	miễn nhiệm ngày 11 tháng 2 năm 2020
Ông Vũ Lê Cương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2020
Bà Bùi Thị Thanh Hòa	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2020
Bà Phạm Thị Hồng Hương	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2020

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thiết Bảo	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 12 tháng 2 năm 2020
Ông Lê Thế Vũ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trịnh Hiền Trung	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 12 tháng 2 năm 2020
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Giám Đốc Tài Chính	bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2019
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 12 tháng 2 năm 2020
Ông Lê Thiết Bảo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2019
		miễn nhiệm ngày 12 tháng 2 năm 2020
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2019
		miễn nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2019
Ông Trần Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2019
		miễn nhiệm ngày 12 tháng 2 năm 2020



# Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thiết Bảo  
Bà Vũ Thu Mười

Tổng Giám đốc  
Thành viên  
Hội đồng Quản trị

bổ nhiệm ngày 12 tháng 2 năm 2020  
từ nhiệm ngày 12 tháng 2 năm 2020

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.





# Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Thiết Bảo  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 25 tháng 2 năm 2020



Số tham chiếu: 61280354/21093113

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar (“Công ty”) được lập ngày 25 tháng 2 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Thị Cẩm Tú  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2266-2018-004-1

Từ Thái Sơn  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1543-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 2 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>178.729.221.478</b>	<b>172.798.902.937</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>28.283.162.369</b>	<b>10.385.926.449</b>
111	1. Tiền		10.283.162.369	10.385.926.449
112	2. Các khoản tương đương tiền		18.000.000.000	-
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>55.225.434.858</b>	<b>48.107.031.151</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	53.292.948.846	38.088.133.292
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	958.507.190	7.560.518.413
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	973.978.822	2.458.379.446
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>94.620.636.300</b>	<b>112.228.038.655</b>
141	1. Hàng tồn kho		94.620.636.300	112.228.038.655
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>599.987.951</b>	<b>2.077.906.682</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	599.987.951	1.908.742.489
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	169.164.193
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>106.074.656.706</b>	<b>94.961.740.328</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>203.760.000</b>	<b>268.523.250</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		203.760.000	268.523.250
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>94.988.285.321</b>	<b>84.928.364.048</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	90.728.235.083	80.166.379.913
222	Nguyên giá		168.159.535.351	147.955.287.751
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(77.431.300.268)	(67.788.907.838)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	4.260.050.238	4.761.984.135
228	Nguyên giá		5.949.554.000	5.842.734.720
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.689.503.762)	(1.080.750.585)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>495.389.410</b>	<b>1.610.306.286</b>
231	1. Nguyên giá		1.124.909.177	2.703.478.177
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(629.519.767)	(1.093.171.891)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>148.457.000</b>	<b>-</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		148.457.000	-
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
253	1. Đầu tư vào đơn vị khác		5.000.000	5.000.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>10.233.764.975</b>	<b>8.149.546.744</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	10.233.764.975	8.149.546.744
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>284.803.878.184</b>	<b>267.760.643.265</b>





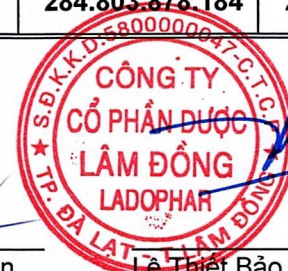
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>191.126.950.535</b>	<b>182.664.028.642</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>175.627.365.926</b>	<b>166.838.745.029</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	59.856.121.212	101.861.709.456
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	1.603.767.464	930.412.101
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	7.428.255.273	1.222.191.268
314	4. Phải trả người lao động	15	4.626.268.223	3.906.818.798
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	9.381.372.883	734.445.676
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		720.000.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.251.999.050	1.091.904.925
320	8. Vay ngắn hạn	18	90.679.285.738	56.494.288.945
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		80.296.083	596.973.860
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>15.499.584.609</b>	<b>15.825.283.613</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	2.123.230.000	2.005.230.000
338	2. Vay dài hạn	18	9.980.412.392	9.498.024.750
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	19	3.395.942.217	4.322.028.863
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>93.676.927.649</b>	<b>85.096.614.623</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20.1</b>	<b>92.746.768.931</b>	<b>84.799.302.150</b>
411	1. Vốn cổ phần		78.299.580.000	78.299.580.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		78.299.580.000	78.299.580.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(320.000)	(320.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.079.988.006	14.079.988.006
421	4. Lợi nhuận sau thuế (lỗ lũy kế) chưa phân phối		367.520.925	(7.579.945.856)
421a	- (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(7.579.945.856)	12.431.991.493
421b	- Lợi nhuận sau thuế (lỗ) chưa phân phối năm nay		7.947.466.781	(20.011.937.349)
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>930.158.718</b>	<b>297.312.473</b>
431	1. Nguồn kinh phí		930.158.718	297.312.473
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>284.803.878.184</b>	<b>267.760.643.265</b>

*hnh*

*A. hnh*



Trần Thị Hiền  
Người lập

Trương Thị Ngọc Hiền  
Kế toán trưởng

Lê Thiết Bảo  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 2 năm 2020



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	381.316.323.299	434.873.300.919
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	(1.652.617.189)	(3.021.909.588)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	379.663.706.110	431.851.391.331
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(303.243.328.779)	(374.914.836.631)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		76.420.377.331	56.936.554.700
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		617.900.678	644.727.717
22	7. Chi phí tài chính	23	(5.988.650.020)	(4.702.170.719)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(5.951.730.552)	(4.702.170.719)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(60.651.708.715)	(54.079.644.704)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(18.246.147.222)	(18.833.325.386)
30	10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.848.227.948)	(20.033.858.392)
31	11. Thu nhập khác	25	19.974.529.827	617.607.578
32	12. Chi phí khác		(206.672.330)	(582.390.641)
40	13. Lợi nhuận khác		19.767.857.497	35.216.937
50	14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		11.919.629.549	(19.998.641.455)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(3.972.162.768)	(13.295.894)
60	16. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		7.947.466.781	(20.011.937.349)
70	17. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	20.5	1.015	(2.556)
71	18. Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	20.5	1.015	(2.556)

*hant*

*Phu*



Trần Thị Hiền  
Người lập

Trương Thị Ngọc Hiền  
Kế toán trưởng

Le Thi Bao  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 2 năm 2020



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế</b>		<b>11.919.629.549</b>	<b>(19.998.641.455)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		11.149.946.895	10.714.732.937
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		31.866.482	(9.652.143)
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(22.247.853.934)	16.148.006
06	Chi phí lãi vay	23	5.951.730.552	4.702.170.719
08	<b>Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>6.805.319.544</b>	<b>(4.575.241.936)</b>
09	Giảm các khoản phải thu		969.752.591	7.629.742.424
10	Giảm hàng tồn kho		17.607.402.355	4.651.925.939
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(32.016.116.216)	17.063.921.572
12	Tăng chi phí trả trước		(3.271.228.479)	(3.391.415.346)
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.702.627.852)	(4.453.068.019)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(256.606.218)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		928.274.245	769.000.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(713.740.777)	(3.331.640.676)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(15.392.964.589)</b>	<b>14.106.617.740</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(20.195.630.747)	(13.135.048.331)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		18.500.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia		323.769.790	321.542.973
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.371.860.957)</b>	<b>(12.813.505.358)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	18	205.336.796.523	140.987.185.598
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(170.669.412.088)	(142.623.175.758)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>34.667.384.435</b>	<b>(1.635.990.160)</b>

00000  
NG T  
HÀN D  
I ĐỒ  
DOPHA  
-T.A

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		17.902.558.889	(342.877.778)
60	Tiền đầu năm		10.385.926.449	10.719.152.084
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(5.322.969)	9.652.143
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	28.283.162.369	10.385.926.449




Trần Thị Hiền  
Người lập



Trương Thị Ngọc Hiền  
Kế toán trưởng



  
Lê Thiết Bảo  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 2 năm 2020





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5800000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 4 tháng 1 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 22 ngày 20 tháng 2 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 604/TB-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất đồng dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; xuất nhập khẩu thuốc và dược liệu.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 320 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 312).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy tính.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập các báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và thành phẩm - chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Quyền sử dụng đất*

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 30 năm
Máy móc thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	32 - 50 năm
Phần mềm máy tính	3 - 4 năm

**3.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
--------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư góp vào các đơn vị khác*

Đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lâm Đồng số 69/HDTD vào ngày 24 tháng 9 năm 1999 trong thời hạn 30 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.10 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.11 Các khoản phải trả và trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam và được sử dụng cho đầu tư khoa học, công nghệ tại Việt Nam. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Phần trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Hao mòn của tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm vào số dư quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Khi tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chuyển sang phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, giá trị còn lại của tài sản được ghi giảm vào số dư quỹ phát triển khoa học và công nghệ và đồng thời được ghi nhận vào thu nhập khác trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản các tài sản trên (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào quỹ phát triển khoa học và công nghệ.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.14 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

**3.16 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế cùng một đơn vị chịu thuế.

#### 3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất đồng dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty.

Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về hàng hóa và dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất đồng dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế và một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

#### 3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

0000  
 NG T  
 HAN D  
 A ĐỒ  
 DOPH  
 T-T-T



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	245.212.000	859.605.000
Tiền gửi ngân hàng	10.037.950.369	9.526.321.449
Các khoản tương đương tiền (*)	18.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>28.283.162.369</b>	<b>10.385.926.449</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng có thời hạn gốc ba tháng và hưởng lãi suất 5%/năm. Khoản tiền gửi này đã được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn như được trình bày tại *Thuyết minh số 18*.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Nguyễn Thị Ánh Phượng	7.866.000.000	-
Công ty TNHH Indico	6.501.409.150	-
Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng	4.541.735.519	4.682.943.468
Trung tâm Y tế Di Linh	3.955.898.700	5.086.339.325
Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng II	3.612.691.348	3.672.965.642
Khác	26.815.214.129	24.645.884.857
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>53.292.948.846</b>	<b>38.088.133.292</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Ánh Bảo Đạt	420.090.000	-
Công ty TNHH Đặng Hoàng Minh	193.133.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kỹ thuật và Công nghệ Phương Nam	-	4.014.000.000
Công ty TNHH Acsobha	-	961.293.440
Khác	345.284.190	2.585.224.973
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>958.507.190</b>	<b>7.560.518.413</b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT chưa khấu trừ	628.528.669	1.798.276.713
Thuế thu nhập cá nhân	63.165.749	647.202.733
Khác	282.284.404	12.900.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>973.978.822</b>	<b>2.458.379.446</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	37.123.276.551	43.581.505.824
Hàng hóa	34.896.486.036	42.488.980.913
Nguyên liệu, vật liệu	18.765.650.611	20.401.920.176
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.106.703.259	3.857.890.422
Hàng mua đang đi đường	313.749.535	1.465.414.366
Công cụ, dụng cụ	282.911.518	389.605.134
Hàng gửi đi bán	131.858.790	42.721.820
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>94.620.636.300</b>	<b>112.228.038.655</b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	225.537.152	495.411.775
Chi phí thuê mặt bằng	-	1.190.169.053
Khác	374.450.799	223.161.661
	<u>599.987.951</u>	<u>1.908.742.489</u>
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	3.018.785.476	2.651.370.624
Chi phí thuê	2.412.896.038	2.238.593.762
Chuyển giao công nghệ	2.257.030.489	216.666.670
Chi phí bảo trì và sửa chữa	1.474.896.167	2.078.641.689
Chi phí đầu tư ban đầu nhà máy Phú Hội	616.044.859	839.210.473
Khác	454.111.946	125.063.526
	<u>10.233.764.975</u>	<u>8.149.546.744</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.833.752.926</b>	<b>10.058.289.233</b>

## Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					VND
Số đầu năm	62.746.425.279	71.318.409.825	13.387.601.483	502.851.164	147.955.287.751
Mua mới trong năm	1.134.797.597	21.327.849.859	-	-	22.462.647.456
Thanh lý trong năm	(1.084.598.815)	-	-	-	(1.084.598.815)
Xóa sổ	(684.493.135)	(424.440.697)	-	(64.867.209)	(1.173.801.041)
Số cuối năm	62.112.130.926	92.221.818.987	13.387.601.483	437.983.955	168.159.535.351
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	6.468.075.296	19.469.000.136	1.951.279.119	206.818.500	28.095.173.051
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(21.096.963.159)	(40.244.229.499)	(6.138.815.809)	(308.899.371)	(67.788.907.838)
Khấu hao trong năm	(3.773.613.913)	(6.704.474.601)	(1.295.723.820)	(46.233.084)	(11.820.045.418)
Thanh lý trong năm	1.003.851.947	-	-	-	1.003.851.947
Xóa sổ	684.493.135	424.440.697	-	64.867.209	1.173.801.041
Số cuối năm	(23.182.231.990)	(46.524.263.403)	(7.434.539.629)	(290.265.246)	(77.431.300.268)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	41.649.462.120	31.074.180.326	7.248.785.674	193.951.793	80.166.379.913
Số cuối năm	38.929.898.936	45.697.555.584	5.953.061.854	147.718.709	90.728.235.083
<b>Trong đó:</b>					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19)	4.574.057.985	12.388.348.623	4.266.211.850	-	21.228.618.458

Như được trình bày trong Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị, và phương tiện vận tải để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	4.487.733.920	1.355.000.800	5.842.734.720
Mua mới trong năm	-	449.000.000	449.000.000
Phân loại từ bất động sản đầu tư sang	1.578.569.000	-	1.578.569.000
Thanh lý trong năm	(1.781.018.920)	-	(1.781.018.920)
Xóa sổ	-	(139.730.800)	(139.730.800)
Số cuối năm	<u>4.285.284.000</u>	<u>1.664.270.000</u>	<u>5.949.554.000</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	153.763.777	255.900.000	409.663.777
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	(387.980.785)	(692.769.800)	(1.080.750.585)
Hao mòn trong năm	(66.721.488)	(198.110.111)	(264.831.599)
Phân loại từ bất động sản đầu tư sang	(553.173.648)	-	(553.173.648)
Thanh lý trong năm	69.521.270	-	69.521.270
Xóa sổ	-	139.730.800	139.730.800
Số cuối năm	<u>(938.354.651)</u>	<u>(751.149.111)</u>	<u>(1.689.503.762)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	<u>4.099.753.135</u>	<u>662.231.000</u>	<u>4.761.984.135</u>
Số cuối năm	<u>3.346.929.349</u>	<u>913.120.889</u>	<u>4.260.050.238</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	1.578.569.000	1.124.909.177	2.703.478.177
Phân loại sang tài sản cố định vô hình	<u>(1.578.569.000)</u>	<u>-</u>	<u>(1.578.569.000)</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>1.124.909.177</u>	<u>1.124.909.177</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	153.763.777	-	153.763.777
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Số đầu năm	(508.648.488)	(584.523.403)	(1.093.171.891)
Hao mòn trong năm	(44.525.160)	(44.996.364)	(89.521.524)
Phân loại sang tài sản cố định vô hình	<u>553.173.648</u>	<u>-</u>	<u>553.173.648</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>(629.519.767)</u>	<u>(629.519.767)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	<u>1.069.920.512</u>	<u>540.385.774</u>	<u>1.610.306.286</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>495.389.410</u>	<u>495.389.410</u>
<i>Trong đó</i>			
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp     (Thuyết minh số 19)</i>	-	495.389.410	495.389.410

Như được trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Công ty đã thế chấp nhà cửa và vật kiến trúc để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	640.391.337	632.954.541
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	85.811.094	89.521.524

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế và giá trị thị trường, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Traphaco	5.262.353.964	7.153.473.814
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco - Chi nhánh Tây Nguyên	4.497.192.782	14.154.589.498
Khác	50.096.574.466	80.553.646.144
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>59.856.121.212</b>	<b>101.861.709.456</b>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Gspoon Limited Company	1.116.297.170	-
Công ty TNHH Dược phẩm Thành Đạt	375.859.159	375.859.159
Khác	111.611.135	554.552.942
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.603.767.464</b>	<b>930.412.101</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(169.164.193)	3.972.162.768	-	3.802.998.575
Thuế giá trị gia tăng	626.547.244	9.570.086.739	(7.314.161.020)	2.882.472.963
Thuế thu nhập cá nhân	595.644.024	3.044.331.836	(2.901.666.062)	738.309.798
Thuế khác	-	318.801.507	(314.327.570)	4.473.937
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.053.027.075</b>	<b>16.905.382.850</b>	<b>(10.530.154.652)</b>	<b>7.428.255.273</b>
Trong đó:				
<i>Phải thu</i>	169.164.193			-
<i>Phải nộp</i>	1.222.191.268			7.428.255.273

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương tháng 13	4.100.000.000	-
Chi phí mua máy móc và thiết bị	3.224.363.620	-
Chi phí bán hàng	1.420.725.873	314.019.387
Khác	636.283.390	420.426.289
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.381.372.883</b>	<b>734.445.676</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
		<i>VND</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	280.563.560	306.297.227
Trung tâm Khuyến công Tỉnh Lâm Đồng	225.000.000	305.000.000
Cổ tức phải trả	89.663.784	89.663.784
Khác	656.771.706	390.943.914
	<u>1.251.999.050</u>	<u>1.091.904.925</u>
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	550.000.000	207.000.000
Trung tâm Khuyến công Tỉnh Lâm Đồng	350.000.000	575.000.000
Khác	1.223.230.000	1.223.230.000
	<u>2.123.230.000</u>	<u>2.005.230.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>3.375.229.050</b></u>	<u><b>3.097.134.925</b></u>





# Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 18. CÁC KHOẢN VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm	VND
<b>Ngắn hạn</b>					
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	49.209.582.927	168.084.700.718	(162.497.960.259)	54.796.323.386	
Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 19.2)	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000	
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 19.3)	5.784.706.018	5.269.708.163	(6.671.451.829)	4.382.962.352	
Vay từ một tổ chức khác đến hạn trả (Thuyết minh số 19.4)	1.500.000.000	1.500.000.000	(1.500.000.000)	1.500.000.000	
	<u>56.494.288.945</u>	<u>204.854.408.881</u>	<u>(170.669.412.088)</u>	<u>90.679.285.738</u>	
<b>Dài hạn</b>					
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.3)	7.998.024.750	7.252.095.805	(5.269.708.163)	9.980.412.392	
Vay từ tổ chức khác (Thuyết minh số 19.4)	1.500.000.000	-	(1.500.000.000)	-	
	<u>9.498.024.750</u>	<u>7.252.095.805</u>	<u>(6.769.708.163)</u>	<u>9.980.412.392</u>	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>65.992.313.695</u></b>	<b><u>212.106.504.686</u></b>	<b><u>(177.439.120.251)</u></b>	<b><u>100.659.698.130</u></b>	

### 18.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
54.796.323.386	Từ ngày 28 tháng 2 năm 2020 đến ngày 23 tháng 10 năm 2020	6,5	Bổ sung vốn lưu động	Nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị (Thuyết minh số 10, 12) và hợp đồng tiền gửi kỳ hạn ba tháng (Thuyết minh số 4)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng

# Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 18. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

### 18.2 Vay ngắn hạn bên liên quan

Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
VND				
<u>30.000.000.000</u>	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	6,5	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp

### 18.3 Vay ngân hàng dài hạn

Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
VND				
<u>14.363.374.744</u>	Từ ngày 20 tháng 1 năm 2020 đến ngày 23 tháng 7 năm 2024	9 - 9,5	Mua sắm máy móc, thiết bị cho nhà máy Phú Hội	Máy móc thiết bị tại nhà máy Phú Hội (Thuyết minh số 10)
<b>Trong đó:</b>				
Vay dài hạn				
<u>9.980.412.392</u>				
Nợ dài hạn đến hạn trả				
<u>4.382.962.352</u>				





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**

**18.4 Vay từ một tổ chức khác**

Chi tiết các khoản vay từ tổ chức khác nhằm mục đích được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Quỹ Đầu tư và Phát triển Tỉnh Lâm Đồng	<u>1.500.000.000</u>	Từ ngày 13 tháng 1 năm 2020 đến ngày 13 tháng 10 năm 2020	5,5	Mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất thuốc từ dược liệu	Máy móc thiết bị tại nhà máy Phú Hội (Thuyết minh số 10)
Trong đó:					
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.500.000.000				
Vay dài hạn	-				

**19. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

	Năm nay	VND Năm trước
Số đầu năm	4.322.028.863	5.371.764.337
Sử dụng quỹ	<u>(926.086.646)</u>	<u>(1.049.735.474)</u>
Số cuối năm	<u>3.395.942.217</u>	<u>4.322.028.863</u>

# Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 20.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	(Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước:</b>					
Số đầu năm	78.299.580.000	(320.000)	14.079.988.006	14.625.991.493	107.005.239.499
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(20.011.937.349)	(20.011.937.349)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.194.000.000)	(2.194.000.000)
Số cuối năm	78.299.580.000	(320.000)	14.079.988.006	(7.579.945.856)	84.799.302.150
<b>Năm nay:</b>					
Số đầu năm	78.299.580.000	(320.000)	14.079.988.006	(7.579.945.856)	84.799.302.150
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	7.947.466.781	7.947.466.781
Số cuối năm	78.299.580.000	(320.000)	14.079.988.006	367.520.925	92.746.768.931

### 20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần</b>		
Số đầu năm và số cuối năm	78.299.580.000	78.299.580.000





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.3 Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Căn cứ danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 30/2020-LDP/VSD-ĐK tại ngày 15 tháng 1 năm 2020:

	<i>Số cuối năm</i>	
	<i>Số tiền</i>	<i>% sở hữu</i>
	<i>VND</i>	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	40.047.480.000	51,15%
Bà Nguyễn Ánh Kim Trang	24.958.730.000	31,88%
Khác	13.293.370.000	16,97%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>78.299.580.000</u></b>	<b><u>100,00%</u></b>

**20.4 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành	7.829.958	7.829.958
Cổ phiếu đã phát hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.829.958	7.829.958
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(32)	(32)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.829.926	7.829.926

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**20.5 Lãi (lỗ) trên cổ phiếu**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế (VND)	7.947.466.781	(20.011.937.349)
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận (lỗ) thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	7.947.466.781	(20.011.937.349)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành ( <i>cổ phiếu</i> )	7.829.926	7.829.926
Lãi (lỗ) cơ bản và lãi (lỗ) suy giảm (VND/cổ phiếu)	<u>1.015</u>	<u>(2.556)</u>

(\*) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa có kế hoạch phân chia quỹ khen thưởng, phúc lợi. Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 80/2019/NQ-ĐHCĐ/LDP ngày 20 tháng 3 năm 2019, Công ty không phân chia quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

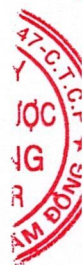
	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>381.316.323.299</b>	<b>434.873.300.919</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	235.695.693.982	326.109.343.973
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	144.980.237.980	108.131.002.405
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	640.391.337	632.954.541
<b>Hàng bán bị trả lại</b>	<b>(1.652.617.189)</b>	<b>(3.021.909.588)</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	(959.632.004)	(876.210.881)
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	(692.985.185)	(2.145.698.707)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>379.663.706.110</u></b>	<b><u>431.851.391.331</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	234.736.061.978	325.233.133.092
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	144.287.252.795	105.985.303.698
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	640.391.337	632.954.541

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	214.164.396.915	302.941.484.286
Giá vốn thành phẩm	88.618.482.315	71.883.830.821
Giá vốn dịch vụ cung cấp	460.449.549	89.521.524
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>303.243.328.779</u></b>	<b><u>374.914.836.631</u></b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.951.730.552	4.702.170.719
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	36.919.468	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.988.650.020</u></b>	<b><u>4.702.170.719</u></b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân công	31.345.181.194	25.185.460.279
Chi phí marketing và quảng cáo	14.404.396.287	12.315.546.449
Chi phí đi thuê	2.695.274.370	2.747.426.595
Chi phí vận chuyển, bốc vác hàng	1.920.801.608	4.129.982.671
Chi phí khác	10.286.055.256	9.701.228.710
	<u>60.651.708.715</u>	<u>54.079.644.704</u>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	12.196.952.098	11.609.973.897
Chi phí khác	6.049.195.124	7.223.351.489
	<u>18.246.147.222</u>	<u>18.833.325.386</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>78.897.855.937</u></b>	<b><u>72.912.970.090</u></b>

**25. THU NHẬP KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản	19.860.813.842	-
Khác	113.715.985	617.607.578
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>19.974.529.827</u></b>	<b><u>617.607.578</u></b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Hàng hóa bán trong năm	214.164.396.915	302.941.484.386
Chi phí nguyên vật liệu	93.478.535.850	84.357.795.355
Chi phí nhân công	64.490.788.394	57.058.744.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.362.616.376	16.520.436.011
Chi phí khấu hao và hao mòn	11.117.827.296	10.634.322.273
Chi phí khác	22.815.033.553	21.736.502.667
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>427.429.198.384</u></b>	<b><u>493.249.284.931</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Ngoài ra, đối với dự án Phú Hội, thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20%, Công ty được miễn thuế TNDN cho các hoạt động kinh doanh trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2015), và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN được áp dụng trong chín (9) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.972.162.768	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	13.295.894
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.972.162.768</b>	<b>13.295.894</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND			
	Năm nay			Năm trước
	Hoạt động khác	Hoạt động bất động sản	Tổng cộng	
<b>Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>(7.941.184.293)</b>	<b>19.860.813.842</b>	<b>11.919.629.549</b>	<b>(19.998.641.455)</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(1.588.236.859)	3.972.162.768	2.383.925.909	(3.999.728.291)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>				
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.090.736.786	-	1.090.736.786	307.693.758
Cổ tức được chia	(50.400.000)	-	(50.400.000)	(61.500.000)
Lỗ thuế	547.900.073	-	547.900.073	3.753.534.533
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	-	-	13.295.894
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>3.972.162.768</b>	<b>3.972.162.768</b>	<b>13.295.894</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) của Công ty khác với thu nhập (lỗ) được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**27.3 Lỗ chuyển sang từ năm trước**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 21.419.348.195 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 18.679.847.832 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019		Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
			Không được chuyển lỗ		
2018	2023	18.679.847.832 (*)	-	-	18.679.847.832
2019	2024	2.739.500.363 (**)	-	-	2.739.500.363
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>21.419.348.195</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>21.419.348.195</b>

(\*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế cho năm 2018.

(\*\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho số lỗ thuế lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 nêu trên do Công ty không thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	Cổ đông lớn	Vay	30.000.000.000	-
		Lãi vay	1.029.313.436	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

				VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	
<b>Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 19.2)</b>					
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	Cổ đông lớn	Vay ngắn hạn	<u>30.000.000.000</u>	<u>-</u>	

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

			VND	
			Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng			<u>5.051.500.000</u>	<u>3.495.046.000</u>

**29. THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**29.1 Thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

			VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm			1.214.858.400	1.021.886.818
Từ 1 đến 5 năm			2.081.927.600	2.021.940.000
Trên 5 năm			<u>867.000.000</u>	<u>-</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>4.163.786.000</u></b>	<b><u>3.043.826.818</u></b>

**29.2 Cho thuê hoạt động**

Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

			VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm			2.116.464.000	532.276.364
Từ 1 đến 5 năm			8.343.300.000	372.000.000
Trên 5 năm			<u>3.300.000.000</u>	<u>-</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>13.759.764.000</u></b>	<b><u>904.276.364</u></b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)	1.250,55	952,32

**31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



\_\_\_\_\_  
 Trần Thị Hiền  
 Người lập



\_\_\_\_\_  
 Trương Thị Ngọc Hiền  
 Kế toán trưởng



\_\_\_\_\_  
 Lê Thiết Bảo  
 Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 2 năm 2020



Số: 86.../LDP  
(V/v: Giải trình chênh lệch)

Đà Lạt, ngày 21 tháng 02 năm 2020

**Kính gửi:**

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC (SSC)
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX)
- CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Công ty Cổ Phần Dược Lâm Đồng – Ladophar xin giải trình một số chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính năm 2019 sau kiểm toán như sau:

1/ Giải trình Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019 so với năm 2018 sau khi kiểm toán:

Nội dung	Báo cáo tài chính năm 2019 (đã kiểm toán)	Báo cáo tài chính năm 2018 (đã kiểm toán)	Chênh lệch
Lợi nhuận trước thuế	11.919.629.549	(19.998.641.455)	31.918.271.004
Thuế thu nhập DN	3.972.162.768	13.295.894	3.958.866.874
Lợi nhuận sau thuế	7.947.466.781	(20.011.937.349)	27.959.404.130

- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 tăng so với cùng kỳ năm trước do các nguyên nhân:

- Doanh thu thuần bán hàng sản xuất tăng 36% so với cùng kỳ năm 2018, tương đương số tiền 38.301.949.097 đồng, do đó lãi gộp trong năm 2019 tăng so với cùng kỳ 34% tương đương 19.483.822.633 đồng;
- Tăng các khoản thu nhập khác do hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

2/ Giải trình một số chỉ tiêu trước và sau kiểm toán chênh lệch từ 5% trở lên:

Nội dung	Báo cáo tài chính năm 2019 (đã kiểm toán)	Báo cáo tài chính năm 2019 (tự lập)	Chênh lệch (sau kiểm toán)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(7.848.227.948)	(7.848.227.948)	0
Lợi nhuận khác	19.767.857.497	21.815.673.253	(2.047.815.756)
Lợi nhuận trước thuế	11.919.629.549	13.967.445.305	(2.047.815.756)
Thuế TNDN	3.972.162.768	4.381.725.920	(409.563.152)
Lợi nhuận sau thuế	7.947.466.781	9.585.719.385	(1.638.252.604)

Lợi nhuận khác giảm 2.047.815.756 đồng so báo cáo tự lập do kê khai bổ sung thuế giá trị gia tăng của hoạt động chuyển nhượng bất động sản. Do đó, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế giảm.

Công ty Cổ Phần Dược Lâm Đồng – Ladophar kính trình .



**Nơi nhận**  
- Như trên  
- Lưu TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC *[Signature]*  
  
*Lê Chiết Bảo*